

UBND TỈNH HẬU GIANG
HỘI ĐỒNG THI NÂNG NGẠCH, THĂNG HẠNG

THÔNG BÁO ĐIỂM THI NÂNG NGẠCH TỪ CHUYÊN LÊN CHUYÊN VIÊN CHÍNH NĂM 2022

(Kèm theo Công văn số: /HĐTNNTH ngày tháng năm 2022
của Hội đồng thi nâng ngạch thăng hạng)

STT	Phòng g thi	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Điểm thi				Ghi chú
				Nam	Nữ			Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Tin học	Chuyên môn, nghiệp vụ	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(14)
Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân (chỉ tiêu 06)												
01	03	NNCVC065	Nguyễn Bảo Trung Kiên	16/4/1978		Trưởng phòng Phòng Công tác Quốc hội	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	34/60	Miễn	26/30	72,5	
02	01	NNCVC032	Nguyễn Xuân Đoan	07/8/1979		Chuyên viên	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	37/60	27/30	28/30	74	PGĐ Sở Tư pháp
03	05	NNCVC158	Nguyễn Sơn Thủy		01/02/1980	Trưởng phòng Phòng Thông tin Dân nguyện	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	36/60	30/30	25/30	70	
04	04	NNCVC117	Nguyễn Văn Nhiều	1983		Phó Trưởng phòng Phòng Công tác HĐND	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	37/60	26/30	29/30	70	
05	04	NNCVC107	Nguyễn Hữu Nghị	1978		Phó CVP	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	31/60	28/30	28/30	69,5	
06	02	NNCVC034	Phan Thanh Ful	11/11/1983		Trưởng phòng Phòng Công tác HĐND	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	34/60	27/30	27/30	68	
07	06	NNCVC171	Trịnh Lâm Nhựt Trường	07/9/1980		Phó Trưởng phòng Phòng Công tác Quốc hội	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	32/60	21/30	23/30	50	
Văn phòng UBND tỉnh (chỉ tiêu 04)												
01	04	NNCVC111	Huỳnh Chí Ngoan	24/12/1983		Chuyên viên	Văn phòng UBND tỉnh	31/60	Miễn	22/30	77,5	

STT	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Điểm thi				Ghi chú
				Nam	Nữ			Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Tin học	Chuyên môn, nghiệp vụ	
02	03	NNCVC088	Trần Thị Loan		26/8/1984	Phó Trưởng Ban Tiếp công dân	Văn phòng UBND tỉnh	30/60	23/30	29/30	70	PGĐ TTPVHCC tỉnh
03	02	NNCVC046	Trần Hữu Hiếu	12/8/1983		Chuyên viên, Ban Tiếp công dân	Văn phòng UBND tỉnh	30/60	24/30	28/30	67	
04	05	NNCVC145	Hồ Hữu Tài	09/12/1980		Phó Trưởng phòng	Phòng Hành chính-Quản trị, Văn phòng UBND tỉnh	30/60	25/30	Miễn	55	
05	03	NNCVC067	Võ Tuấn Khanh	28/02/1978		Phó Trưởng Ban Tiếp công dân	Văn phòng UBND tỉnh	34/60	24/30	30/30	38	
Sở Nội vụ (chỉ tiêu 07)												
01	01	NNCVC001	Mai Thị Thu Ái		05/11/1985	Chuyên viên	Sở Nội vụ	30/60	24/30	Miễn	77	
02	04	NNCVC099	Đào Hoàng Minh	25/12/1980		Trưởng phòng	Sở Nội vụ	30/60	23/30	24/30	74	
03	01	NNCVC017	Nguyễn Văn Chót	18/7/1979		Chuyên viên	Sở Nội vụ	31/60	24/30	23/30	73	
04	01	NNCVC022	Huỳnh Thiên Dương	03/11/1988		Chuyên viên	Sở Nội vụ	30/60	23/30	Miễn	73	
05	01	NNCVC018	Nguyễn Thị Ngọc Diễm		17/7/1987	Phó Trưởng phòng	Sở Nội vụ	30/60	22/30	30/30	72	
06	05	NNCVC131	Trịnh Thị Bích Phượng		03/4/1984	Chuyên viên	Sở Nội vụ	31/60	Miễn	24/30	70	
07	02	NNCVC061	Lưu Mỹ Hương		15/01/1986	Chuyên viên	Sở Nội vụ	30/60	15/30	27/30	70	
08	06	NNCVC193	Phan Thị Mỹ Xuyên		10/02/1977	Chuyên viên	Ban Tôn giáo	30/60	23/30	23/30	40	
09	04	NNCVC126	Nguyễn Hồng Phúc	22/9/1967		Chuyên viên	Ban Tôn giáo	30/60	23/30	21/30	35	
Sở Tư pháp (Chỉ tiêu 02)												
01	01	NNCVC024	Nguyễn Hồng Đào		1/6/1986	Trưởng phòng	Phòng Văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính, Sở Tư pháp	32/60	25/30	30/30	56	
02	01	NNCVC002	Trần Hữu Anh	07/01/1980		Phó Trưởng Phòng	Phòng Hành chính và Hỗ trợ tư pháp, Sở Tư pháp	31/60	24/30	29/30	46,5	

STT	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Điểm thi				Ghi chú
				Nam	Nữ			Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Tin học	Chuyên môn, nghiệp vụ	
03	04	NNCVC124	Lê Thanh Phong	01/12/1975		Phó Trưởng Phòng	Phòng Hành chính và Hỗ trợ tư pháp, Sở Tư pháp	30/60	24/30	24/30	35,5	
Sở Tài chính (Chỉ tiêu 06)												
01	04	NNCVC125	Nguyễn Hoàng Phúc	20/9/1985		Phó Trưởng phòng	Phòng Tài chính đầu tư, Sở Tài chính	30/60	27/30	26/30	71	
02	02	NNCVC064	Hồ Phước Hữu	13/12/1985		Chuyên viên	Phòng Tài chính đầu tư, Sở Tài chính	32/60	21/30	27/30	70	
03	04	NNCVC105	Đỗ Huỳnh Nga		07/8/1979	Chuyên viên	Văn phòng Sở Tài chính	30/60	26/30	24/30	69,5	
04	06	NNCVC164	Nguyễn Thị Diễm Trang		09/9/1975	Chuyên viên	Văn phòng Sở Tài chính	30/60	27/30	29/30	65,5	
05	02	NNCVC035	Nguyễn Hoàng Giao	16/8/1984		Chuyên viên	Phòng Quản lý ngân sách, Sở Tài chính	32/60	30/30	27/30	62	
06	06	NNCVC165	Nguyễn Thu Trang		07/6/1973	Phó Chánh Văn phòng	Văn phòng Sở Tài chính	30/60	24/30	26/30	61	
07	06	NNCVC172	Trần Học Tiến	25/3/1978		Chánh Văn phòng	Văn phòng Sở Tài chính	31/60	25/30	28/30	50	
08	05	NNCVC150	Huỳnh Quốc Thảo	20/4/1971		Chuyên viên	Phòng Quản lý giá công sản và doanh nghiệp, Sở Tài chính	32/60	25/25	28/30	34	
Sở Xây dựng (chỉ tiêu 04)												
01	01	NNCVC031	Trương Khắc Đình	1981		Trưởng phòng	Phòng Quy hoạch - Kiến trúc và Phát triển đô thị, Sở Xây dựng	31/60	21/30	30/30	73	
02	05	NNCVC161	Võ Chí Thức	24/01/1985		Phó Trưởng phòng	Phòng Quy hoạch - Kiến trúc và Phát triển đô thị, Sở Xây dựng	30/60	23/30	23/30	71	
03	06	NNCVC181	Phan Vũ Tuấn	01/01/1985		Phó Trưởng phòng	Phòng Quản lý xây dựng, Sở Xây dựng	30/60	22/30	30/30	70,5	
04	03	NNCVC068	Trần Quốc Khánh	27/3/1984		Phó Trưởng phòng	Phòng Quy hoạch - Kiến trúc và Phát triển đô thị, Sở Xây dựng	34/60	19/30	20/30	70	

STT	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Điểm thi				Ghi chú
				Nam	Nữ			Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Tin học	Chuyên môn, nghiệp vụ	
05	04	NNCVC112	Lê Như Nguyệt		21/8/1984	Phó Trưởng phòng	Phòng Quản lý nhà và Thị trường bất động sản	35/60	28/30	29/30	52	

Sở Kế hoạch và Đầu tư (chỉ tiêu 02)

01	04	NNCVC115	Võ Thị Nhi		20/01/1981	Chuyên viên	Sở KH&ĐT	31/60	25/30	26/30	68	
02	01	NNCVC005	Bùi Thị Ngọc Bích		17/3/1985	Phó Chánh Văn phòng	Sở KH&ĐT	33/60	25/30	29/30	27	

Sở Công Thương (chỉ tiêu 06)

01	03	NNCVC091	Ngô Kiến Lợi	17/6/1979		Phó Chánh Văn phòng	Sở Công Thương	34/60	23/30	29/30	59	
02	02	NNCVC047	Trương Minh Hòa	01/01/1981		Phó Trưởng Phòng	Phòng Quản lý công nghiệp, Sở Công Thương	32/60	27/30	23/30	55	
03	06	NNCVC188	Thái Văn Vinh	14/7/1963		Phó Trưởng Phòng	Phòng Quản lý công nghiệp, Sở Công Thương	30/60	Miễn	24/30	43	
04	01	NNCVC013	Võ Huy Cường	02/3/1981		Phó Chánh Văn phòng	Sở Công Thương	30/60	19/30	Miễn	41	
05	04	NNCVC101	Nguyễn Tấn Minh	06/7/1976		Phó Trưởng Phòng	Phòng Quản lý năng lượng, Sở Công Thương	30/60	18/30	23/30	40	
06	05	NNCVC148	Nguyễn Hoài Thanh	28/10/1978		Phó Trưởng phòng	Phòng Quản lý công nghiệp, Sở Công Thương	30/60	15/30	29/30	40	
07	04	NNCVC129	Phạm Văn Phương	31/12/1974		Trưởng phòng	Phòng Quản lý năng lượng, Sở Công Thương	22/60	17/30	24/30	32	

Sở Tài nguyên và Môi trường (chỉ tiêu 09)

01	01	NNCVC009	Võ Minh Cảnh	19/12/1977		Phó chi cục trưởng	Chi cục BVMT	30/60	26/30	28/30	88	
02	03	NNCVC073	Nguyễn Thụy Thùy Lam		18/12/1983	Chuyên viên	Chi cục Quản lý đất đai	32/60	24/30	25/30	83	
03	02	NNCVC058	Lưu Thanh Hợp	16/10/1981		Chuyên viên	Chi cục BVMT	31/60	22/30	24/30	75,5	
04	06	NNCVC189	Nguyễn Văn Vĩnh	9/9/1980		Chuyên viên	Chi cục Quản lý đất đai	33/60	27/30	26/30	71,5	

STT	Phòn g thi	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Điểm thi				Ghi chú
				Nam	Nữ			Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Tin học	Chuyên môn, nghề vụ	
05	02	NNCVC040	Lê Văn Hạnh	19/11/1983		Phó Chi cục trưởng	Chi cục BVMT	36/60	26/30	29/30	71	
06	05	NNCVC135	Phan Mai Thế Quỳnh	21/4/1987		Phó Chi cục trưởng	Chi cục Quản lý đất đai	31/60	28/30	27/30	71	
07	02	NNCVC039	Lý Thị Như Hạnh		07/05/1984	Chuyên viên	Chi cục Quản lý đất đai	30/60	23/30	23/30	70	
08	06	NNCVC183	Trần Văn Tuy	10/06/1985		Phó Chi cục trưởng	Chi cục Quản lý đất đai	30/60	25/30	26/30	62	
09	03	NNCVC083	Ngô Thị Liễu		22/3/1984	Chuyên viên	Chi cục BVMT	35/60	29/30	30/30	59	
10	01	NNCVC010	Nguyễn Thị Vân Cơ		05/8/1977	Phó Trưởng phòng	Phòng Tài nguyên và Biển đôi khí hậu, Sở Tài nguyên và Môi trường	30/60	26/30	27/30	54	
11	05	NNCVC151	Nguyễn Thanh Thảo		20/5/1979	Chuyên viên	Văn phòng Sở Tài nguyên và Môi trường	30/60	26/30	25/30	34	
Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (chỉ tiêu 14)												
01	06	NNCVC174	Lâm Khánh Toàn	25/9/1981		Chuyên viên	Chi cục Chăn nuôi, Thú y - Thủy sản	30/60	28/30	30/30	75	
02	03	NNCVC078	Phan Thành Lâm	26/10/1983		Chuyên viên	Chi cục Phát triển nông thôn	31/60	24/30	29/30	74	
03	03	NNCVC094	Bùi Văn Lực	10/10/1982		Phó Trưởng phòng	Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	39/60	24/30	27/30	74	
04	03	NNCVC096	Trương Tấn Mạnh	10/11/1974		Chuyên viên	Chi cục Phát triển nông thôn	30/60	27/30	30/30	70	
05	02	NNCVC041	Nguyễn Thị Thúy Hằng		10/4/1982	Phó Chánh VP	Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	34/60	16/30	28/30	70,5	
06	06	NNCVC192	Võ Thịnh Vượng	31/8/1981		Phó Chi cục trưởng	Chi cục Phát triển nông thôn	30/60	23/30	30/30	69	
07	02	NNCVC062	Ngô Ngọc Hương		02/09/1980	Chuyên viên	Chi cục Chăn nuôi, Thú y - Thủy sản	36/60	17/30	27/30	68,5	
08	03	NNCVC086	Phạm Công Linh	07/11/1986		Chuyên viên	Chi cục Chăn nuôi, Thú y - Thủy sản	31/60	21/30	28/30	64,5	
09	02	NNCVC049	Nguyễn Thiện Hòa	12/6/1969		Chi cục trưởng	Chi cục Phát triển nông thôn	30/60	24/30	15/30	59	

STT	Phòn g thi	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Điểm thi				Ghi chú
				Nam	Nữ			Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Tin học	Chuyên môn, nghề vụ	
10	03	NNCVC080	Dư Mỹ Phượng Liên		15/8/ 1976	Chuyên viên	Chi cục Chăn nuôi, Thú y - Thủy sản	30/60	21/30	29/30	55,5	
11	02	NNCVC044	Trần Vinh Hiền	20/12/1979		Chuyên viên	Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	32/60	24/30	21/30	52	
12	05	NNCVC160	Phan Ngọc Thư		8/10/1983	Chuyên viên	Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	35/60	25/30	29/30	52	
13	01	NNCVC012	Trịnh Hùng Cường	12/10/1970		Phó chi cục trưởng	Chi cục Chăn nuôi, Thú y - Thủy sản	30/60	28/30	29/30	50	
14	04	NNCVC097	Nguyễn Văn Mãng	16/01/1976		Phó Chỉ cục trưởng	Chi cục Phát triển nông thôn	20/60	28/30	20/30	50	
15	03	NNCVC069	Lư Anh Khoa	01/01/1982		Chuyên viên	Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	31/60	27/30	23/30	48,5	
16	01	NNCVC028	Trần Văn Đẹp	15/5/1980		Chuyên viên	Chi cục Chăn nuôi, Thú y - Thủy sản	31/60	27/30	30/30	30,5	
Sở Giao thông vận tải (chỉ tiêu 04)												
01	01	NNCVC004	Huỳnh Hải Âu	26/3/1984		Chuyên viên	Phòng Quản lý Hạ tầng giao thông, Sở Giao thông vận tải	31/60	24/30	26/30	80	
02	02	NNCVC060	Trịnh Thanh Hùng	01/01/1970		Phó Giám đốc	Sở Giao thông vận tải	30/60	15/30	23/30	74	
03	06	NNCVC184	Đặng Thị Bích Tuyền		10/4/1983	Chuyên viên	Phòng Kế hoạch Kỹ thuật, Sở Giao thông vận tải	31/60	28/30	22/30	66	
04	06	NNCVC167	Trần Ngọc Trân	30/6/1977		Chuyên viên	Phòng Quản lý Hạ tầng giao thông, Sở Giao thông vận tải	30/60	24/30	25/30	51	
05	03	NNCVC090	Nguyễn Thành Long	11/4/1984		Chuyên viên	Phòng Quản lý Hạ tầng giao thông, Sở Giao thông vận tải	29/60	28/30	23/30	82	
Sở Thông tin và Truyền thông (chỉ tiêu 04)												
01	05	NNCVC162	Bùi Văn Thúc	29/12/1986		Chuyên viên	Phòng CNTT, Sở Thông tin và Truyền thông	30/60	28/30	Miễn	70	

STT	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Điểm thi				Ghi chú
				Nam	Nữ			Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Tin học	Chuyên môn, nghiệp vụ	
02	03	NNCVC070	Nguyễn Đăng Khoa	01/4/1978		Phó Trưởng phòng	Phòng CNTT, Sở Thông tin và Truyền thông	30/60	21/30	Miễn	51	
03	05	NNCVC132	Nguyễn Thị Thúy Phương		02/11/1985	Phó Trưởng phòng	Phòng Bưu chính - Viễn thông, Sở Thông tin và Truyền thông	33/60	21/30	Miễn	50	
04	02	NNCVC033	Trần Quốc Đoàn	20/12/1985		Chuyên viên	Phòng CNTT, Sở Thông tin và Truyền thông	32/60	15/30	Miễn	31,5	
05	05	NNCVC147	Nguyễn Minh Tân	20/7/1980		Phó Chánh Văn phòng	Văn phòng Sở Thông tin và Truyền thông	33/60	26/30	20/30	29	
Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (chỉ tiêu 06)												
01	02	NNCVC042	Phan Thanh Hậu	06/10/1979		Trưởng phòng	Phòng Người có công, Sở LĐTBXH	33/60	25/30	22/30	71	
02	05	NNCVC154	Mai Quốc Thịnh	01/07/1983		Phó Trưởng phòng	Phòng phòng, chống tệ nạn xã hội, Sở LĐTBXH	31/60	24/30	25/30	71	
03	06	NNCVC163	Nguyễn Minh Thương	9/12/1981		Phó Giám đốc	Sở LĐTBXH	36/60	28/30	30/30	67	
04	02	NNCVC052	Châu Minh Khải Hoàn	18/11/1976		Trưởng phòng	Phòng Bảo trợ xã hội - Trẻ em và Bình đẳng giới, Sở LĐTBXH	33/60	21/30	28/30	58,5	
05	03	NNCVC066	Cao Văn Kiều	21/9/1969		Trưởng phòng	Phòng Kế hoạch - Tài chính, Sở LĐTBXH	31/60	25/30	28/30	57	
06	06	NNCVC168	Nguyễn Thị Tuyết Trinh		27/7/1971	Phó Trưởng phòng	phòng Lao động - Việc làm - Giáo dục nghề nghiệp, Sở LĐTBXH	31/60	24/30	29/30	46	
07	03	NNCVC079	Dương Thị Phương Liên		1977	Phó Chánh Văn phòng	Văn phòng Sở LĐTBXH	30/60	25/30	27/30	45	
Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (chỉ tiêu 03)												
01	04	NNCVC108	Đào Văn Nghị	15/5/1984		Trưởng phòng	Phòng Xây dựng nếp sống văn hóa và gia đình, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	34/60	21/30	25/30	78,5	
02	06	NNCVC185	Cao Mộng Tuyền		01/6/1981	Chuyên viên	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	30/60	27/30	29/30	72	
03	05	NNCVC156	Lê Thị Bảo Thu		17/4/1980	Chuyên viên	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	36/60	28/30	29/30	71	

STT	Phòn g thi	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Điểm thi				Ghi chú
				Nam	Nữ			Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Tin học	Chuyên môn, nghịệp vụ	
04	04	NNCVC123	Nguyễn Thị Phiêu		23/6/1985	Phó Trưởng Phòng	Phòng Tổ chức cán bộ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	30/60	25/30	29/30	70	
Sở Khoa học và Công nghệ (Chỉ tiêu 02)												
01	06	NNCVC194	Nhan Thị Hồng Xuyên		18/3/1979	Phó Trưởng phòng	Phòng Quản lý khoa học công nghệ và chuyên ngành, Sở Khoa học và Công nghệ	30/60	23/30	24/30	66	
02	04	NNCVC114	Đặng Hùng Nhân	26/10/1981		Phó Chi cục trưởng	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, Sở Khoa học và Công nghệ	30/60	26/30	28/30	55	
Sở Y tế (chỉ tiêu 07)												
01	03	NNCVC084	Nguyễn Thị Thúy Liễu		08/4/1974	Chuyên viên	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh	36/60	26/30	26/30	77	
02	02	NNCVC050	Lê Vĩnh Hòa	15/4/1986		Chuyên viên	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh	35/60	16/30	27/30	76	
03	05	NNCVC134	Phan Nhã Quyên		29/12/1983	Kế toán trưởng	Phòng KH-TC, Sở Y tế	30/60	18/30	29/30	70	
04	05	NNCVC140	Trần Thanh Sơn	25/11/1972		Phó Trưởng Phòng	Phòng Nghiệp vụ Y - Bảo hiểm Y tế, Sở Y tế	30/60	25/30	29/30	70	
05	05	NNCVC142	Nguyễn Vĩnh Sơn	16/7/1981		Phó Chi cục trưởng	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh, Sở Y tế	31/60	19/30	27/30	70	
06	06	NNCVC195	Lý Kim Yên		27/01/1983	Phó Trưởng phòng	Phòng Tổ chức - Hành chính	30/60	23/30	30/30	69	
07	03	NNCVC089	Võ Thị Thúy Loan		24/12/1979	Chuyên viên	Phòng Nghiệp vụ Y - Bảo hiểm Y tế, Sở Y tế	36/60	25/30	24/30	61,5	
08	01	NNCVC025	Trần Thị Đào		1984	Chuyên viên	Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình tỉnh	16/60	22/30	23/30	83	
09	01	NNCVC026	Phạm Hoàng Đảo	01/12/1972		Chuyên viên	Phòng Nghiệp vụ Y - Bảo hiểm Y tế, Sở Y tế	33/60	19/30	29/30	33	
Sở Giáo dục và Đào tạo (chỉ tiêu 02)												
01	06	NNCVC170	Hà Thế Trung	14/5/1968		Phó Trưởng phòng	Phòng GDTrH-GDTX, Sở Giáo dục và Đào tạo	30/60	27/30	Miễn	75	

STT	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Điểm thi				Ghi chú
				Nam	Nữ			Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Tin học	Chuyên môn, nghiệp vụ	
02	02	NNCVC043	Nguyễn Văn Hiền	30/3/1968		Phó Giám đốc	Sở Giáo dục và Đào tạo	31/60	26/30	23/30	68	
03	04	NNCVC104	Kiều Ngọc Nam	12/12/1973		Chuyên viên	Phòng GDTH-GDMN, Sở Giáo dục và Đào tạo	28/60	15/30	21/30	70,5	

Ban Dân tộc (chỉ tiêu 01)

01	03	NNCVC075	Nguyễn Thanh Lâm	25/9/1980		Phó Chánh Văn phòng	Ban Dân tộc	28/60	29/30	23/30	54,5	
----	----	----------	------------------	-----------	--	---------------------	-------------	-------	-------	-------	------	--

Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh (chỉ tiêu 01)

01	01	NNCVC008	Lê Minh Cảnh	24/10/1967		Trưởng phòng	Phòng Quản lý doanh nghiệp và môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hậu Giang	30/60	25/30	24/30	29	
----	----	----------	--------------	------------	--	--------------	--	-------	-------	-------	----	--

Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh (chỉ tiêu 01)

01	03	NNCVC072	Trần Văn Khoa	02/06/1982		Chuyên viên	Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh	33/60	23/30	30/30	74	
----	----	----------	---------------	------------	--	-------------	--	-------	-------	-------	----	--

Thành phố Vị Thanh (Chỉ tiêu 11)

01	01	NNCVC029	Tô Minh Điền	10/01/1980		Bí thư Đảng ủy	Phường I, thành phố Vị Thanh	35/60	24/30	26/30	77	
02	04	NNCVC128	Tổng Bữu Anh Phương	1975		Trưởng phòng	Phòng Quản lý Đô thị thành phố Vị Thanh	32/60	29/30	22/30	75,5	
03	05	NNCVC139	Nguyễn Bé Sáu	10/4/1985		Phó Trưởng phòng	Phòng Kinh tế thành phố Vị Thanh	30/60	27/30	26/30	71	
04	03	NNCVC074	Võ Thị Hồng Lan		10/11/1979	Phó Chánh Văn phòng	Văn phòng HĐND&UBND thành phố Vị Thanh	34/60	28/30	28/30	70	
05	04	NNCVC118	Nguyễn Thị Kim Nhở		21/11/1979	Phó Trưởng Phòng	Phòng Nội vụ thành phố Vị Thanh	30/60	27/30	25/30	64,5	
06	04	NNCVC110	Nguyễn Trung Nghĩa	1981		Chủ tịch UBND	UBND phường IV thành phố Vị Thanh	31/60	27/30	30/30	55	
07	03	NNCVC085	Lê Hoàng Linh	09/01/1986		Phó Chánh Văn phòng	Văn phòng HĐND&UBND thành phố Vị Thanh	30/60	27/30	25/30	52	

STT	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Điểm thi				Ghi chú
				Nam	Nữ			Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Tin học	Chuyên môn, nghiệp vụ	
08	05	NNCVC149	Trần Tuấn Thanh	28/12/1979		Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND xã	UBND xã Tân Tiến	30/60	30/30	26/30	51	
09	01	NNCVC020	Lê Nguyễn Hiền Diệu		15/5/1980	Trưởng phòng	Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Vị Thanh	34/60	28/30	21/30	40,5	
10	02	NNCVC059	Trần Bá Huân	21/8/1982		Phó Trưởng Ban	Ban KT-XH, HĐND thành phố	30/60	22/30	26/30	36	
11	05	NNCVC136	Trần Minh Sang	12/8/1979		Trưởng phòng	Phòng Nội vụ thành phố Vị Thanh	30/60	22/30	26/30	30	

Thành phố Ngã Bảy (Chỉ tiêu 06)

01	05	NNCVC157	Nguyễn Minh Thuận	20/10/1980		Phó Trưởng phòng	Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Ngã Bảy	35/60	17/30	29/30	84	
02	06	NNCVC191	Nguyễn Phong Vũ	28/12/1967		Trưởng phòng	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, thành phố Ngã Bảy	32/60	25/30	24/30	70	
03	04	NNCVC103	Đỗ Hoàng Nam	12/03/1980		Chủ tịch	UBND thành phố Ngã Bảy	32/60	Miễn	28/30	69,5	
04	06	NNCVC182	Nguyễn Thanh Tùng	27/2/1974		Trưởng phòng	Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Ngã Bảy	30/60	25/30	27/30	67,5	
05	06	NNCVC177	Lê Thanh Tú	22/7/1980		Phó Trưởng phòng	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	30/60	27/30	30/30	62	Chủ tịch UBND phường Lái Hiếu
06	06	NNCVC178	Trần Quốc Tuấn	28/4/1975		Trưởng phòng	Phòng Giáo dục và Đào tạo, thành phố Ngã Bảy	31/60	19/30	25/30	52	
07	01	NNCVC023	Phạm Thị Đàng		25/8/1972	Bí thư Đảng ủy	Phường Ngã Bảy, thành phố Ngã Bảy	30/60	16/30	25/30	34	
08	05	NNCVC133	Trần Minh Quang	20/10/1968		Trưởng phòng	Phòng Tư pháp thành phố Ngã Bảy	22/60	25/30	20/30	29	

STT	Phòn g thi	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Điểm thi				Ghi chú
				Nam	Nữ			Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Tin học	Chuyên môn, nghề vụ	
Thị xã Long Mỹ (chỉ tiêu 08)												
01	01	NNCVC027	Bùi Tấn Đạt	10/11/1976		Phó trưởng phòng	Phòng Tư pháp, thị xã Long Mỹ	31/60	24/30	23/30	78	
02	03	NNCVC095	Nguyễn Kha Ly	02/02/1983		Phó Chánh Văn phòng	Văn phòng HĐND và UBND thị xã Long Mỹ	31/60	18/30	21/30	71	
03	05	NNCVC138	Nguyễn Văn Sang	23/8/1972		Phó Trưởng phòng	Phòng Tài nguyên và Môi trường, thị xã Long Mỹ	30/60	20/30	25/30	50	
04	02	NNCVC048	Nguyễn Thanh Hòa	30/12/1971		Bí thư Đảng ủy	Đảng ủy xã Long Trị, thị xã Long Mỹ	21/60	15/30	23/30	69	Trưởng phòng Phòng LĐ-TB và XH
05	05	NNCVC143	Nguyễn Văn Sử	1976		Bí thư Đảng ủy - Chủ tịch UBND phường	UBND phường Trà Lồng, thị xã Long Mỹ	30/60	30/30	22/30	45	
06	05	NNCVC159	Trần Thị Mộng Thúy		12/6/1981	Phó trưởng phòng	Phòng Tài chính - Kế hoạch, thị xã Long Mỹ	23/60	23/30	21/30	43	
07	04	NNCVC102	Mai Quới Một	25/12/1965		Phó Trưởng phòng	Phòng Nội vụ huyện Long Mỹ	35/60	28/30	23/30	42	
08	01	NNCVC015	Nguyễn Văn Chì	01/01/1971		Trưởng phòng	Phòng LĐ-TB và XH thị xã Long Mỹ	30/60	23/30	19/30	39	Bí thư Đảng ủy xã Long Phú
09	01	NNCVC003	Lưu Quốc Anh	06/10/1980		Trưởng phòng	Phòng Quản lý đô thị thị xã Long Mỹ	32/60	21/30	30/30	37,5	
10	01	NNCVC019	Nguyễn Thanh Diện	26/9/1979		Phó Chủ tịch UBND thị xã	UBND xã Tân Phú, thị xã Long Mỹ	31/60	25/30	19/30	18	
Huyện Long Mỹ (chỉ tiêu 06)												
01	03	NNCVC071	Phạm Đăng Khoa	09/11/1980		Chánh văn phòng	Văn phòng HĐND và UBND huyện Long Mỹ	32/60	25/30	21/30	72	Chánh Thanh tra huyện Long Mỹ

STT	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Điểm thi				Ghi chú
				Nam	Nữ			Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Tin học	Chuyên môn, nghiệp vụ	
02	05	NNCVC155	Hồ Thị Mỹ Thôn		02/8/1969	Phó Trưởng ban	Ban Kinh tế - XH, HĐND huyện Long Mỹ	30/60	Miễn	24/30	70	
03	02	NNCVC036	Lê Phú Hải	26/7/1982		Phó Trưởng phòng	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Long Mỹ	30/60	22/30	29/30	70	
04	06	NNCVC175	Nguyễn Thanh Toàn	05/9/1980		Phó Trưởng phòng	Phòng Tài nguyên và Môi trường, huyện Long Mỹ	30/60	22/30	28/30	55	
05	04	NNCVC109	Trần Thanh Nghĩa	01/12/1975		Trưởng phòng	Phòng Nội vụ huyện Long Mỹ	34/60	19/30	15/30	45	
06	06	NNCVC179	Nguyễn Thiện Tuấn	20/02/1975		Trưởng phòng	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Long Mỹ	30/60	20/30	25/30	44	
07	05	NNCVC130	Hồ Vũ Phương	15/3/1978		Trưởng phòng	Phòng Tài chính - KH huyện Long Mỹ	30/60	21/30	23/30	42	
08	02	NNCVC053	Nguyễn Minh Hoàng	22/12/1972		Phó Chủ tịch HĐND huyện	HĐND huyện Long Mỹ	30/60	21/30	15/30	11	

Huyện Vị Thủy (chỉ tiêu 10)

01	04	NNCVC121	Nguyễn Minh Nhựt	10/6/1979		Trưởng phòng	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Vị Thủy	31/60	21/30	28/30	78,5	
02	06	NNCVC190	Lê Thanh Với	14/8/1970		Bí thư Đảng ủy	Xã Vị Bình, huyện Vị Thủy	30/60	24/30	28/30	76	
03	03	NNCVC087	Nguyễn Thị Kim Loan		10/10/1977	Trưởng phòng	Phòng Tư pháp huyện Vị Thủy	30/60	28/30	23/30	72	
04	04	NNCVC113	Đoàn Thị Thanh Nhanh		18/4/1982	Phó CVP	Văn phòng HĐND và UBND huyện Vị Thủy	32/60	27/30	20/30	72	
05	03	NNCVC093	Lương Trọng Lư	03/8/1981		Phó trưởng phòng	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Vị Thủy	30/60	26/30	28/30	70,5	
06	04	NNCVC098	Nguyễn Thị Mên		25/8/1981	Phó CVP	Văn phòng HĐND và UBND huyện Vị Thủy	41/60	27/30	23/30	70	
07	02	NNCVC063	Đoàn Thị Thủy Hương		24/8/1982	Trưởng phòng	Phòng Lao động - TB&XH huyện Vị Thủy	30/60	20/30	22/30	68	
08	06	NNCVC166	Huỳnh Văn Trắng	16/6/1972		Phó Chủ tịch HĐND huyện	HĐND huyện Vị Thủy	30/60	25/30	21/30	54,5	
09	04	NNCVC100	Phạm Hoàng Minh	20/8/1979		Phó trưởng phòng	Phòng Nội vụ huyện Vị Thủy	38/60	21/30	29/30	52,5	

STT	Phòn g thi	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Điểm thi				Ghi chú
				Nam	Nữ			Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Tin học	Chuyên môn, nghề vụ	
10	01	NNCVC016	Phạm Văn Út Chót	31/12/1975		Trưởng phòng	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Vị Thủy	30/60	25/30	29/30	40	
11	06	NNCVC176	Lê Chí Tôn	21/7/1969		Phó trưởng phòng	Phòng Nội vụ huyện Vị Thủy	30/60	15/30	30/30	36	
12	03	NNCVC092	Nguyễn Văn Luối	27/10/1966		Bí thư Đảng ủy	Thị trấn Nàng Mau, huyện Vị Thủy	30/60	15/30	27/30	20	

Huyện Phụng Hiệp (chỉ tiêu 11)

01	06	NNCVC180	Trần Văn Tuấn	12/6/1969		Trưởng phòng	Phòng Nông nghiệp - PTNT huyện Phụng Hiệp	30/60	23/30	29/30	76	
02	02	NNCVC054	Nguyễn Minh Hoàng	29/6/1968		Phó Trưởng phòng	Phòng VH TT huyện Phụng Hiệp	30/60	15/30	22/30	72	
03	06	NNCVC173	Nguyễn Hữu Tín	15/10/1981		Phó Chánh Văn phòng	Văn phòng HĐND và UBND huyện Phụng Hiệp	34/60	24/30	30/30	68	
04	01	NNCVC011	Phạm Chí Cường	15/11/1976		Chủ tịch UBND	UBND thị trấn Cây Dương, huyện Phụng Hiệp	30/60	25/30	28/30	65	
05	03	NNCVC082	Phạm Văn Liệt	20/12/1974		Phó Trưởng phòng	Phòng TC-KH huyện Phụng Hiệp	31/60	22/30	Miễn	63,5	
06	03	NNCVC076	Nguyễn Thanh Lâm	10/05/1964		Trưởng phòng	Phòng TC-KH huyện Phụng Hiệp	30/60	Miễn	28/30	36,5	
07	05	NNCVC153	Phạm Văn Thế	12/6/1968		Trưởng phòng	Phòng VH TT huyện Phụng Hiệp	30/60	25/30	27/30	35	
08	04	NNCVC116	Trần Trung Nhiệm	20/10/1978		Phó Trưởng phong	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Phụng Hiệp	35/60	23/30	24/30	34,5	
09	01	NNCVC006	Trương Thanh Bình	20/02/1977		Phó Trưởng phòng	Phòng TNMT huyện Phụng Hiệp	30/60	25/30	22/30	34	
10	01	NNCVC030	Đào Ngọc Điền	10/12/1964		Trưởng phòng	Phòng Tư pháp huyện Phụng Hiệp	22/60	Miễn	25/30	33	
11	02	NNCVC055	Nguyễn Văn Hoàng	10/10/1965		Bí thư Đảng ủy	Xã Tân Bình, huyện Phụng Hiệp	30/60	15/30	23/30	20	
12	05	NNCVC141	Phạm Thanh Sơn	01/01/1976		Bí thư Đảng ủy	Xã Bình Thành, huyện Phụng Hiệp	Vắng	Vắng	Vắng		

Huyện Châu Thành (chỉ tiêu 09)

STT	Phòn g thi	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Điểm thi				Ghi chú
				Nam	Nữ			Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Tin học	Chuyên môn, nghề vụ	
01	02	NNCVC056	Mã Bắc Hón	22/7/1976		Phó Trưởng phòng	Phòng Kinh tế và HT huyện Châu Thành	30/60	15/30	25/30	71	
02	04	NNCVC106	Trần Mỹ Nga		1973	Phó Trưởng phòng	Phòng Tài chính - Kế hoạch, huyện Châu Thành	35/60	26/30	27/30	70,5	
03	05	NNCVC146	Đỗ Tấn Tài	1968		Phó Trưởng phòng	Phòng Nội vụ huyện Châu Thành	33/60	18/30	24/30	70	
04	04	NNCVC119	Phan Thành Nhu	03/02/1981		Trưởng phòng	Phòng Kinh tế và HT huyện Châu Thành	30/60	26/30	28/30	69,5	
05	04	NNCVC120	Lê Thị Thùy Như		13/7/1981	Phó Trưởng phòng	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Châu Thành	30/60	25/30	25/30	58,5	
06	06	NNCVC186	Nguyễn Hữu Tứ	26/8/1985		Bí thư Đảng ủy- Chủ tịch HĐND xã	Đảng ủy xã Phú Tân, huyện Châu Thành	31/60	24/30	27/30	52,5	
07	05	NNCVC144	Nguyễn Văn Sỹ	1979		Phó Trưởng phòng	Phòng Tư pháp huyện Châu Thành	30/60	19/30	23/30	47	
08	01	NNCVC007	Đoàn Văn Bình	01/01/1984		Phó Trưởng phòng	Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Châu Thành	30/60	26/30	22/30	44	
09	01	NNCVC021	Nguyễn Thanh Dũng	4/10/1982		Phó Trưởng phòng	Phòng Giáo dục và Đào tạo, huyện Châu Thành	33/60	27/30	21/30	36	
10	05	NNCVC137	Nguyễn Thanh Sang	06/9/1979		Phó Trưởng phòng	Phòng Kinh tế và HT, huyện Châu Thành	30/60	25/30	21/30	26	PCT UBND xã Phú Tân

Huyện Châu Thành A (chỉ tiêu 11)

01	03	NNCVC081	Trần Hoàng Liệt	01/9/1977		Phó Trưởng phòng	Phòng Tài nguyên và môi trường huyện Châu Thành A	32/60	22/30	22/30	88	
02	02	NNCVC038	Nguyễn Hữu Hạnh	02/10/1978		Trưởng phòng	Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Châu Thành A	30/60	26/30	20/30	80	
03	01	NNCVC014	Phan Vũ Cường	28/10/1983		Bí thư Đảng ủy- Chủ tịch HĐND	UBND thị trấn Cái Tắc	32/60	28/30	19/30	80	

STT	Phòn g thi	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Điểm thi				Ghi chú
				Nam	Nữ			Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Tin học	Chuyên môn, nghệp vụ	
04	03	NNCVC077	Phan Thanh Lâm	01/7/1971		Phó Trưởng phòng	Phòng Lao động Thương bình và Xã hội huyện Châu Thành A	31/60	25/30	16/30	77	
06	02	NNCVC045	Phạm Hoàng Hiệp	29/11/1975		Bí thư Đảng ủy- Chủ tịch HĐND	Đảng ủy thị trấn Bảy Ngàn, huyện Châu Thành A	31/60	26/30	21/30	75	
07	02	NNCVC037	Hồ Võ Giang Hải	29/4/1988		Phó Trưởng phòng	Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Châu Thành A	30/60	25/30	24/30	73	
08	04	NNCVC122	Nguyễn Minh Nhựt	20/12/1971		Phó Trưởng phòng	Phòng Nội vụ huyện Châu Thành A	47/60	26/30	27/30	72,5	
09	04	NNCVC127	Nguyễn Văn Phúc	01/01/1980		Bí thư Đảng ủy- Chủ tịch	HĐND xã Tân Hòa, huyện Châu Thành A	30/60	19/30	22/30	71,5	Trưởng phòng Phòng VHTT
10	02	NNCVC057	Nguyễn Thị Hồng		23/5/1973	Trưởng phòng	Phòng Tư pháp huyện Châu Thành A	36/60	18/30	22/30	70	
11	05	NNCVC152	Nguyễn Bích Thảo		12/12/1977	Phó Trưởng Ban	Ban Pháp chế, HĐND huyện Châu Thành A	34/60	27/30	29/30	70	
12	06	NNCVC187	Lê Thanh Việt	10/11/1977		Chánh Văn phòng	Văn phòng HĐND và UBND huyện Châu Thành A	32/60	25/30	26/30	57	
13	06	NNCVC169	Phạm Huỳnh Thu Trúc		20/5/1986	Phó Chánh Văn phòng	Văn phòng HĐND và UBND huyện Châu Thành A	30/60	25/30	29/30	50	
05	02	NNCVC051	Nguyễn Văn Hóa	1973		Trưởng phòng	Phòng Văn hóa và Thông tin huyện Châu Thành A	29/60	18/30	24/30	76	Liên đoàn lao động huyện

UBND TỈNH HẬU GIANG
HỘI ĐỒNG THI NÂNG NGẠCH, THĂNG HẠNG

THÔNG BÁO ĐIỂM THI THĂNG HẠNG TỪ CHUYÊN VIÊN LÊN CHUYÊN VIÊN CHÍNH NĂM 2022

(Kèm theo Công văn số: /HĐTNTH ngày tháng năm 2022
của Hội đồng thi nâng ngạch thăng hạng)

STT	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Điểm thi				Ghi chú
				Nam	Nữ			Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Tin học	Nghệ vụ chuyên ngành	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(14)
1	07	THCVC01	Lâm Thị Tú Anh		12/9/1982	Trưởng đài	Đài Truyền Thanh	30/60	27/30	28/30	61,25	Bí thư Đảng ủy xã Lương Tâm, huyện Long Mỹ
2	07	THCVC02	Lê Thị Ngọc Ân		03/8/1975	Trưởng phòng	Phòng Tổ chức - Hành chính, Trung tâm Y tế huyện Vị Thủy	34/60	22/30	26/30	57	
3	07	THCVC03	Trần Hoàng Bắc	04/6/1977		Phó Giám đốc	Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại	30/60	22/30	25/30	52,5	PTP Quản lý Thương mại, SCT
4	07	THCVC04	Danh Bình	14/6/1976		Chuyên viên Phòng QL các CTGT	Ban QLĐTXDCT giao thông và nông nghiệp	49/30	28/30	24/30	53	

STT	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Điểm thi				Ghi chú
				Nam	Nữ			Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Tin học	Nghệ vụ chuyên ngành	
5	07	THCVC05	Đồng Hữu Bình	28/5/1980		Phó Trưởng phòng	Phòng QL các CTNN, Ban QLĐT XDCT giao thông và nông nghiệp	49/60	27/30	15/30	55	
6	07	THCVC06	Nguyễn Thanh Bình	12/06/1967		Phó Giám đốc	Trung tâm Công nghệ thông tin TN&MT	42/60	26/30	18/30	57	
7	07	THCVC07	Lê Văn Chính	15/9/1966		Trưởng đài	Đài truyền thanh	30/60	24/30	19/30	55	Giám đốc Trung tâm VH TT và PGD
8	07	THCVC08	Phạm Văn Công	27/12/1978		Trưởng đài	Đài Truyền thanh	41/60	24/30	24/30	61	Trung tâm Văn hóa thể thao và
9	07	THCVC09	Lê Thị Kim Chúc		15/6/1979	Chuyên viên	Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu TDTT	30/60	26/30	29/30	52,5	
10	07	THCVC10	Đồng Quang Dân	29/12/1978		Giám đốc	Ban Quản lý dự án Đầu tư - Xây dựng thành phố Vị Thanh	31/60	29/30	16/30	63,5	
11	07	THCVC11	Nguyễn Thị Diễm		06/3/1985	Giám đốc	Nhà Thiếu nhi	41/60	19/30	24/30	61	Trung tâm Văn hóa thể thao và Truyền thanh

STT	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Điểm thi				Ghi chú
				Nam	Nữ			Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Tin học	Nghịệp vụ chuyên ngành	
12	07	THCVC1 2	Lê Thị Duyên		31/8/1983	Chuyên viên	Thư viện tỉnh	45/60	Miễn	Miễn	54	
13	07	THCVC1 3	Trần Xuân Duyên		28/9/1973	Phó Giám đốc	Trung tâm dịch vụ việc làm	43/60	23/30	29/30	51	
14	07	THCVC1 4	Trần Văn Đạt	04/3/1987		Phó Giám đốc	Trung tâm Thông tin xúc tiến du lịch	41/60	27/30	19/30	58	
15	07	THCVC1 5	Lê Hữu Đồng	23/10/1979		Phó Giám đốc	Ban Quản lý dự án Đầu tư - Xây dựng huyện Châu Thành A	41/60	28/30	29/30	62	
16	07	THCVC1 6	Đỗ Minh Đức	04/9/1980		Phó Giám đốc	Ban QLĐTXDCT giao thông và nông nghiệp	47/60	28/30	15/30	62	
17	07	THCVC1 7	Dương Văn Đức	10/9/1966		Trưởng phòng	Phòng Tổ chức - Hành chính, Trung tâm Y tế thành phố Ngã Bảy	42/60	25/30	25/30	59	Phòng Hành chính tổng hợp truyền thông giáo
18	07	THCVC1 8	Trần Bé Em	17/5/1968		Trưởng phòng Phòng Khoa học và Bảo tồn,	Khu BTTN Lung Ngọc Hoàng	40/60	22/30	19/30	50	
19	07	THCVC1 9	Võ Thanh Hải	10/12/1968		Tổng thư ký	Liên hiệp các tổ chức hữu Nghị tỉnh	21/60	16/30	25/30	51	

STT	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Điểm thi				Ghi chú
				Nam	Nữ			Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Tin học	Nghịệp vụ chuyên ngành	
20	07	THCVC2 0	Trần Thị Kiều Hạnh		13/3/1968	Phó trưởng Phòng Tư vấn và phát triển KTHT	Liên minh HTX tỉnh	31/60	Miễn	16/30	62	
21	07	THCVC2 1	Bảo Trần Đình Tiểu Hạnh		24/10/1983	Trưởng phòng	Phòng TC-QLCL&CTXH, Trung tâm Y tế huyện Phụng Hiệp	30/60	26/30	27/30	53	
22	07	THCVC2 2	Trần Ngọc Hân		01/01/1987	Chuyên viên	Phòng Tổ chức - Hành chính	44/60	25/30	26/30	53	
23	07	THCVC2 3	Lê Thị Út Hiền		15/01/1977	Trưởng phòng	Phòng Hành chính và Quảng cáo, Đài PT&TH tỉnh Hậu Giang	36/60	24/30	25/30	51	
24	07	THCVC2 4	Lâm Thị Ngọc Hiền		11/10/1985	Phó Chánh Văn Phòng	Ban QLDA ĐTXD công trình DD&CN	45/60	25/30	24/30	54	
25	07	THCVC2 5	Thái Hoàng Hinh	10/12/1975		Phó Giám đốc	Đài PT&TH tỉnh Hậu Giang	30/60	21/30	24/30	62	
26	07	THCVC2 6	Nguyễn Việt Học	20/4/1980		Phó trưởng phòng	Phòng Công chứng, Sở Tư pháp	30/60	23/30	15/30	55	
27	08	THCVC2 7	Đinh Thành Kết	20/9/1980		Phó Giám đốc	Ban Quản lý dự án Đầu tư - Xây dựng thành phố Vị	38/60	27/30	23/30	52	
28	08	THCVC2 8	Trương Tuấn Kiệt	11/12/1981		Phó Giám đốc	Ban QLDA - ĐTXD huyện Phụng Hiệp	41/60	Miễn	24/30	56	

STT	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Điểm thi				Ghi chú
				Nam	Nữ			Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Tin học	Nghịệp vụ chuyên ngành	
29	08	THCVC2 9	Trịnh Mỹ Kiều		11/03/197 3	Kế toán	Ban QLĐTXDCT giao thông và nông nghiệp	49/60	29/30	24/30	52	
30	08	THCVC3 0	Lý Hồng Công Khanh	30/12/1979		Phó Giám đốc	Ban Quản lý dự án Đầu tư - Xây dựng thành phố Vị Thanh	34/60	26/30	17/30	59	
31	08	THCVC3 1	Nguyễn Văn Khanh	28/03/1978		Giám đốc	Chi nhánh thành phố Ngã Bảy, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh	30/60	16/30	35/20	58	
32	08	THCVC3 2	Nguyễn Thanh Lâm	06/9/1979		Chánh Văn Phòng	Ban QLDA ĐTXD công trình DD&CN	33/60	28/30	24/30	60	
33	08	THCVC3 3	Nguyễn Thành Liêm	10/3/1982		Phó Trưởng phòng Kỹ thuật xây dựng và môi trường	Công ty Phát triển hạ tầng khu công nghiệp Hậu Giang	51/60	21/30	24/30	56	
34	08	THCVC3 4	Nguyễn Thị Mỹ Linh		16/12/198 1	Trưởng phòng	Hành chính - Kế toán, Trung tâm dịch vụ việc làm	44/60	22/30	23/30	52	
35	08	THCVC3 5	Tổng Tấn Linh	10/5/1972		Giám đốc	Ban Quản lý dự án Đầu tư - Xây dựng huyện Châu Thành A	50/60	28/30	15/30	55	
36	08	THCVC3 6	Mai Thế Linh	19/10/1982		Trưởng phòng	Phòng KHTH, Ban QLĐTXDCT giao thông và nông nghiệp	49/60	27/30	26/30	58	PGD Trung tâm Khuyến nông và DVNN

STT	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Điểm thi				Ghi chú
				Nam	Nữ			Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Tin học	Nghịệp vụ chuyên ngành	
37	08	THCVC3 7	Dương Tú Linh		24/01/1983	Chuyên viên	Trung tâm Huân luyện và Thi đấu TDTT	50/60	29/30	Miễn	51	
38	08	THCVC3 8	Nguyễn Thị Linh		01/01/1983	Chuyên viên	Trung tâm Công nghệ thông tin TN&MT	45/60	28/30	26/30	52	
39	08	THCVC3 9	Nguyễn Vĩnh Lộc	20/12/1977		Chánh Văn phòng	Văn phòng	44/60	20/30	26/30	51	
40	08	THCVC4 0	Nguyễn Văn Lơ	01/5/1970		Chủ nhiệm	Ủy ban Kiểm tra, Liên minh HTX tỉnh	30/60	27/30	19/30	51	
41	08	THCVC4 1	Trần Thanh Luân	02/9/1979		Trưởng ban	Ban Quản lý chợ thành phố Vị Thanh	43/60	21/30	28/30	54	
42	08	THCVC4 2	Lê Hữu Minh	06/8/1975		Trưởng phòng	Phòng QLTD GPMB, Ban QLĐTXDCT giao thông và nông nghiệp	48/60	28/30	24/30	50	
43	08	THCVC4 3	Nguyễn Khoa Nam	12/05/1983		Ủy viên	Ủy ban Kiểm tra Liên minh HTX tỉnh	47/60	26/30	15/30	50	

STT	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Điểm thi				Ghi chú
				Nam	Nữ			Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Tin học	Nghệ vụ chuyên ngành	
44	08	THCVC4 4	Phạm Văn Ngây	04/10/1979		Phó chủ tịch	Liên hiệp các tổ chức hữu Nghị tỉnh	40/60	25/30	24/30	56	
45	08	THCVC4 5	Trần Dương Nguyễn	19/7/1984		Phó Giám đốc	Đoạn Quản lý giao thông thủy bộ	49/60	26/30	30/30	71	
46	08	THCVC4 6	Trần Thanh Nguyễn	06/8/1981		Phó Giám đốc	Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản, Sở Tư pháp	39/60	26/30	25/30	58	
47	08	THCVC4 7	Nguyễn Huỳnh Hữu Nhơn	22/4/1984		Phó Đội trưởng	Đội Quản lý Trật tự đô thị thành phố Vị Thanh	30/60	27/30	27/30	50	
48	08	THCVC4 8	Đàm Thị Nhung		03/02/1980	Phó Chánh Văn phòng	Trung tâm Thông tin và Ứng dụng KHCN	39/60	30/30	20/30	63	
49	08	THCVC4 9	Nguyễn Thanh Phong	24/4/1975		Phó Giám đốc	Ban Quản lý dự án Đầu tư - Xây dựng thành phố Vị Thanh	30/60	26/30	24/30	50	
50	08	THCVC5 0	Danh Dũ Phòng	27/7/1982		Phó Trưởng Phòng	Phòng Quản lý dự án 3, Ban QLDA ĐTXD công trình DD&CN	39/60	28/30	28/30	58	
51	08	THCVC5 1	Nguyễn Ngọc Phước	19/02/1976		Giám đốc	Trung tâm dịch vụ việc làm	42/60	25/30	26/30	52	

STT	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Điểm thi				Ghi chú
				Nam	Nữ			Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Tin học	Nghệp vụ chuyên ngành	
52	08	THCVC5 2	Lê Thành Phước	15/10/1972		Giám đốc	Bảo tàng tỉnh	41/60	24/30	25/30	50	
53	09	THCVC5 3	Lê Thị Phương Quyên		19/02/1977	Phó Trưởng phòng Hành chính, tổng hợp	Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại	38/60	19/30	20/30	54	
54	09	THCVC5 4	Nguyễn Thị Ngọc Sáng		03/12/1981	Phó Giám đốc	Trung tâm dịch vụ việc làm	41/60	28/30	22/30	65	
55	09	THCVC5 5	Lê Thanh Sơn	16/9/1976		Phó Giám đốc	Khu BTTN Lung Ngọc Hoàng	32/60	28/30	27/30	64	
56	09	THCVC5 6	Lý Minh Tâm	09/11/1972		Giám đốc	Trung tâm GDNN - GDTX	42/60	22/30	29/30	63	
57	09	THCVC5 7	Nguyễn Đình Tuấn	15/5/1987		Giám đốc	Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh	36/60	28/30	Miễn	65	
58	09	THCVC5 8	Trang Quốc Tuấn	19/04/1980		Kế toán	Ban QLĐT XDCT giao thông và nông nghiệp	44/60	27/30	18/30	56	

STT	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Điểm thi				Ghi chú
				Nam	Nữ			Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Tin học	Nghệ vụ chuyên ngành	
59	09	THCVC5 9	Lương Thị Bích Thảo		20/4/1973	Phó Giám đốc	Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu TDTT	49/60	27/30	29/30	55	
60	09	THCVC6 0	Nguyễn Hữu Thích	10/6/1981		Phó Giám đốc	Ban Quản lý Cụm Công nghiệp - Tiểu thủ Công nghiệp thành phố Vị Thanh	34/60	26/30	25/30	55	
61	09	THCVC6 1	Phạm Đức Thông	20/06/1979		Trưởng phòng	Phòng Tư vấn và hỗ trợ kinh tế hợp tác, Liên minh HTX tỉnh	42/60	17/30	28/30	50	
62	09	THCVC6 2	Nguyễn Thị Như Thơ		08/8/1985	Chuyên viên	Trung tâm Y tế thị xã Long Mỹ	24/60	28/30	17/30	58,5	
63	09	THCVC6 3	Nguyễn Thị Diệp Thùy		01/7/1981	Phó Trưởng phòng	Phòng Hành chính và Quảng cáo, Đài PT&TH tỉnh Hậu Giang	33/60	26/30	21/30	64	
64	09	THCVC6 4	Phan Thị Anh Thư		28/02/1983	Phó Giám đốc	Chi nhánh thành phố Vị Thanh, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh	43/60	28/30	Miễn	63,5	
65	09	THCVC6 5	Nguyễn Hữu Thượng	14/4/1973		Trưởng phòng	Phòng Quản trị - Thiết bị - Thư viện	42/60	23/30	26/30	53	
66	09	THCVC6 6	Ngô Thị Linh Thy		21/02/1978	Phó Giám đốc	Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh	48/60	26/30	30/30	62	

STT	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Điểm thi				Ghi chú
				Nam	Nữ			Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Tin học	Nghệ vụ chuyên ngành	
67	09	THCVC6 7	Lê Thị Diễm Trang		13/8/1971	Phó Giám đốc	Nhà Văn hóa Thiểu nhi	34/60	28/30	21/30	73	Hội Chữ Thập đỏ
68	09	THCVC6 8	Nguyễn Phát Triển	10/07/1983	X	Chuyên viên	Văn phòng Liên minh HTX tỉnh	30/60	29/30	20/30	79	
69	09	THCVC6 9	Nguyễn Thế Triều	15/5/1969	X	Giám đốc	Đài PT&TH tỉnh Hậu Giang	33/60	27/30	23/30	79	
70	09	THCVC7 0	Nguyễn Việt Triều	21/9/1978	X	Phó Giám đốc	Ban Quản lý Khu nông nghiệp UDCNC	48/60	28/30	22/30	57	
71	09	THCVC7 1	Nguyễn Diễm Trinh		28/02/1986	Chuyên viên	Trung tâm Thông tin xúc tiến du lịch	44/60	29/30	27/30	65	
72	09	THCVC7 2	Võ Hồng Trung	02/10/1976		Phó Giám đốc	Đoạn Quản lý giao thông thủy bộ	41/60	26/30	28/30	58	
73	09	THCVC7 3	Huỳnh Thanh Truyện	10/12/1969		Giám đốc	Ban Quản lý DA ĐTXD	32/60	28/30	27/30	69	
74	09	THCVC7 4	Nguyễn Nhật Trường	06/9/1984		Chuyên viên	Công ty Phát triển hạ tầng khu công nghiệp Hậu Giang	42/60	27/30	27/30	67	

STT	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Điểm thi				Ghi chú
				Nam	Nữ			Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Tin học	Nghịệp vụ chuyên ngành	
75	09	THCVC7 5	Huỳnh Thanh Trường	01/01/1984		Phó Giám đốc	Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại	36/60	25/30	28/30	65	
76	09	THCVC7 6	Lê Hoàng Vinh	05/11/1972		Phó Giám đốc	Đài PT&TH tỉnh Hậu Giang	41/60	28/30	26/30	55	
77	09	THCVC7 7	Võ Hoàng Vũ	20/01/1978		Phó Giám đốc	Trung tâm Thông tin xúc tiến du lịch	48/60	25/30	23/30	69,5	
78	09	THCVC7 8	Trương Thanh Vũ	01/01/1984		Trưởng phòng	Ban QLĐTXDCT giao thông và nông nghiệp	49/60	28/30	21/30	67,5	